|  |  |
| --- | --- |
| **HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA LÍ TUẦN 11 ( 15/11 – 20/11)** |  |

 **BÀI 20,21: VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG**

* **Nội dung chính:**

**I. Vị trí điạ lí và giới hạn lãnh thổ**

- Diện tích: 14.806 km2

- Tiếp giáp:

+ Phía Bắc, Đông Bắc, phía Tây giáp TDVMNBB

+ Phía Nam giáp Bắc Trung Bộ

+ Phía Đông Nam giáp Vịnh Bắc Bộ.

- Vùng đồng bằng sông Hồng bao gồm ĐB châu thổ sông Hồng, dãy đất rìa trung du và vịnh BB với hai đảo lớn Cát Bà và Bạch Long Vĩ.

- Ý nghĩa: có vị trí địa lí thuận lợi trong giao lưu kinh tế xã hội với các vùng trong nước.

**II. Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên :**

**+ Đặc điểm**

- Châu thổ sông Hồng bồi đắp .

- Khí hậu nhiệt đới có mùa đông lạnh .

- Nguồn nước dồi dào .

- Chủ yếu đất phù sa.

- Vịnh Bắc Bộ giàu tiềm năng .

**+ Thuận lợi**

- Đất phù sa màu mỡ, điều kiện khí hậu , thủy văn thuận lợi cho thâm canh lúa nước .

- Thời tiết có mùa đông lạnh thuận lợi cho việc trồng một số cây ưa lạnh .

- Một số khoáng sản có giá trị đáng kể : đá vôi, than nâu , khí tự nhiên .

- Vùng biển thuận lợi cho nuôi trồng , đánh bắt thủy sản , du lịch .

**+ Khó khăn**: Thiên tai ( bão , lũ lụt , thời tiết thất thường ) ít tài nguyên khoáng sản .

III. Đặc điểm xã hội: ( HS tự học)

**IV. Tình hình phát triển kinh tế**

**1. Công nghiệp**

- Hình thành sớm và phát triển mạnh trong thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng mạnh .

- Phần lớn giá trị sản xuất công nghiệp tập trung ở Hà Nội, Hải Phòng .

- Ngành công nghiệp trọng điểm : chế biến lương thực thực phẩm,sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng và công nghiệp cơ khí.

- Sản phẩm công nghiệp quan trọng :máy công cụ , động cơ điện , phương tiện giao thông , thiết bị điện tử , hàng tiêu dùng : vải , sứ dân dụng, quần áo…

**2. Nông nghiệp:**

+ Trồng trọt:

- Đứng thứ hai cả nước về diện tích và tổng sản lượng lương thực .

- Đứng đầu cả nước về năng suất lúa ( 56.4 tạ, ha)

- Phát triển một số cây ưa lạnh đem lại hiệu quả kinh tế cao .

+ Chăn nuôi:

- Đàn lợn chiếm tỉ trọng lớn nhất cả nước .

- Nuôi ḅò sữa, gia cầm và nuôi trồng thủy sản đang được phát triển

**3. Dịch vụ**

- Giao thông vận tải , bưu chính viễn thông , du lịch phát triển

- Có nhiều địa danh du lịch nổi tiếng : Chùa Hương, Tam Cốc – Bích Động, Côn Sơn, Cúc Phương, Đồ Sơn, Cát Bà .

- Hà Nội, Hải Phòng là hai đầu mối giao thông vận tải, du lịch lớn ở phía bắc.

**V. Các trung tâm kinh tế và vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ**

- Trung tâm kinh tế lớn: Hà Nội, Hải Phòng .

- Tam giác kinh tế: Hà Nội, Hải Phòng, Hạ Long .

- Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ tạo cơ hội cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa , hiện đại hóa , sử dụng hợp lí nguồn tài nguyên thiên nhiên , nguồn lao động của cả hai vùng Đồng bằng sông Hồng, Trung du và miền núi Bắc Bộ .

**\* HỌC SINH TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI** *(Dựa vào kiến thức đã học và Tập bản đồ 9)*

1. Hãy nêu các đặc điểm tự nhiên của đồng bằng sông Hồng.

*2****.*** Điều kiện tự nhiên của đồng bằng có những thuận lợi và khó khăn gì đối với phát triển kinh tế -xã hội?

3. Kể tên và nêu sự phân bố các loại đất ở Đồng bằng sông Hồng.

4. Tìm hiểu về đồng bằng sông Hồng, rồi điền nội dung vào bảng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngành** | **Hiện trạng** |
| **Nông nghiệp** |  |
| **Công nghiệp** |  |
| **Dịch vụ** |  |

5. Xác định trên bản đồ các trung tâm kinh tế của vùng đồng bằng sông Hồng?

Nêu các ngành công nghiệp đặc trưng của mỗi trung tâm.

Nêu tên và xác định vị trí của các tỉnh thành phố thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Nêu vai trò của vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.